TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DSST
Ngày: 11.6.2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dương

Bà Lê Thị Thu Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 11.6.2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS, ngày 15.5.2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: **Ngân hàng TMCP V**. Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Quốc V, ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn L, đều là cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V, theo văn bản ủy quyền số 2674/2018/UQ-VPB ngày 2.11.2018 của phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân; Địa chỉ: 112 đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. *(Ông Nguyễn Thanh T có mặt, ông Mai Quốc V và ông Nguyễn Văn L vắng mặt).*

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị H,** sinh năm: 1973; Địa chỉ: K61/21 đường T, phường K, quận K, Tp Đà Nẵng.Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

Ngày 22.7.2016 bà Phạm Thị H đã ký kết Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn với Ngân hàng TMCP V vay số tiền 241.000.000 đồng; lãi suất tối đa 23%/năm, thời hạn vay 24 tháng, để mua sắm vật dụng gia đình. Ngày 27/7/2016 khoản vay trên đã được Ngân hàng phê duyệt, trong đó trích nộp bảo hiểm là 1.000.000 đồng. Còn lại Ngân

hàng đã giải ngân chuyển vào tài khoản mở tại Ngân hàng V cho bà H số tiền 240.000.000 đồng vào ngày 29/7/2016. Theo thỏa thuận thì bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi trong thời hạn 24 tháng, bắt đầu từ ngày 29.8.2016. Quá trình thực hiện Hợp đồng Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 212.190.759 đồng; trong đó tiền gốc 155.359.854 đồng; tiền lãi 56.830.905 đồng. Kể từ ngày 29/12/2018 đến nay bà H không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Tính đến ngày 11/6/2019 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 142.422.982 đồng; trong đó tiền gốc: 84.640.146 đồng; tiền lãi 45.329.467 đồng; lãi phạt chậm trả 12.453.369 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng đã ký kết.

* Bị đơn bà Phạm Thị H, mặc dù Toà án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phạm Thị H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn, ngày 22.7.2016 giữa Ngân hàng TMCP V với bà Phạm Thị H thì bà H có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 241.000.000 đồng; trong đó phí bảo hiểm 1.000.000đ; lãi suất tối đa 23%/năm, để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 24 tháng. Theo thỏa thuận thì bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 302.383.415 đồng, chia ra 24 tháng (cả gốc và lãi); thời gian bắt đầu trả từ ngày 29.8.2018. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 19 lần với số tiền 212.190.759 đồng (cả gốc và lãi).

Tính đến ngày 11/6/2019 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 142.422.982 đồng; trong đó tiền gốc: 84.640.146 đồng; tiền lãi 45.329.467 đồng; lãi phạt chậm trả 12.453.369 đồng.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V thì thấy: Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn, ngày 22.7.2016 giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị H là hợp đồng vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Ngân hàng đã phê duyệt số tiền vay nói trên vào ngày 27/7/2016 và đã giải ngân chuyển vào tài khoản tại Ngân hàng V cho bà H số tiền 240.000.000 đồng vào ngày 29/7/2016. Như vậy, bà H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân là 240.000.000đ và đóng phí bảo hiểm là 1.000.000đ. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Phạm Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng được 19 lần với số tiền cả gốc và lãi đến ngày 28/12/2018 là 212.190.759 đồng.

Kể từ ngày 29.12.2018 đến nay, bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào nữa, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ 142.422.982 đồng; trong đó tiền gốc: 84.640.146 đồng; tiền lãi 45.329.467 đồng; lãi phạt chậm trả 12.453.369 đồng (lãi tính đến ngày 11.6.2019) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Bà Phạm Thị H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP V kể từ ngày 12/6/2019 trên số tiền gốc chưa thanh toán theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn, đã ký với Ngân hàng TMCP V cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

[5] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 142.422.982 đồng x 5% = 7.121.149 đồng.

[6] Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.886.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Phạm Thị H**.**

2. Xử: Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền: 142.422.982 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn chín trăm tám mươi hai đồng), trong đó tiền gốc: 84.640.146 đồng; tiền lãi trong hạn: 45.329.467 đồng; lãi phạt chậm trả: 12.453.369 đồng (lãi tính đến ngày 11.6.2019).

Bà Phạm Thị H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP V kể từ ngày 12/6/2019 bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn mà bà H đã ký với Ngân hàng TMCP V cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: 7.121.149 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi mốt ngàn một trăm bốn mươi chín đồng) bà Phạm Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 2.886.000 đồng (Hai triệu tám trăm tám mười sáu ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 4443 ngày 03 tháng 01 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS nhân dân quận Thanh Khê ĐN;
- THA dân sự quận Thanh Khê ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

Lưu Thị Hằng